

Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)	153.40			153.20	153.50	153.90	154.35	154.65	154.65
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	8.00			8.00	9.05	8.11	6.98	5.82	4.72
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					6.05	4.11	2.98	3.82	4.72
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	652.79	952.78	952.77	652.75	652.75	652.75	652.75	652.75	652.75
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.80	0.80	0.80	0.30	0.26	0.23	0.22	0.21	0.21
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				68.90	68.92	68.94	68.94	68.94	68.93
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				9.00	11.90	9.00	6.70	6.40	6.19
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				7.50	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50
Núi Một	Mức nước (H, m)				37.22	37.20	37.20	37.20	37.20	37.20
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.70	0.48	0.46	0.49	0.51	0.53
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.64	60.60	60.60	60.60	60.60	60.60
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.39	0.10	0.06	0.06	0.06	0.06
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.84	24.75	24.70	24.65	24.65	24.60
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				27.11	27.44	27.33	27.20	27.05	26.88
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				31.45	31.45	31.45	31.45	31.45	31.45

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 766.76 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.86 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.33 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.94 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	972.48	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.83	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:		m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	153.20	m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	652.75	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.30	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	68.90	m
- Lưu lượng đến hồ:	9.00	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	37.22	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.70	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	60.64	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.39	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	24.84	m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa